

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 231/2023/DS-PT
Ngày: 10-7-2023
V/v “tranh chấp quyền sử dụng đất,
bồi thường thiệt hại do tài sản bị
xâm phạm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 và ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023, về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp Cầu Tam Bình, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 19 đường 6B, khu dân cư Trung Sơn, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 13/10/2020).

- Bị đơn:

1. Bà Trang Thị Thủy T, sinh năm 1959.

2. Ông Lê Văn K, sinh năm 1965.

Chỗ ở hiện nay: Số 2701A, đường Phạm Thế Hiển, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ thường trú: Số 2117/66, đường Phạm Thế Hiển, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K và bà T: Luật sư Lê Văn Lắm – Văn phòng luật sư Lê Văn Lắm thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/02/2023 và các lời khai của bà Nguyễn Thị Thủy T là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn C trình bày như sau:

Ông Võ Văn C là chủ sử dụng thửa đất số 5534, tờ bản đồ số 3, diện tích 990,3m², loại đất trồng lúa. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Văn Công Hạnh vào ngày 23/4/2008, khi nhận chuyển nhượng thì diện tích là 1.013m² có tiến hành đo đạc thực tế và ký giáp ranh với các hộ kế bên. Năm 2020, Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất để mở đường Nguyễn Quang Đại với diện tích thu hồi là 22,7m². Vào năm 2018-2019, ông C có cho vợ chồng bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K thuê đất để trồng lúa, sau đó ông K và bà T có tiến hành đổ đất lấn sang phần đất của ông C, đến năm 2020 ông K và bà T đã xây hàng rào lấn sang phần đất của ông C có chiều ngang là 1,2m chiều dài hết đất và đập phá 10 trụ bê tông do ông C cắm mốc làm ranh giới đất giữa ông C với bà T.

Nay ông Võ Văn C khởi kiện yêu cầu:

Bà Trang Thị Thủy T và chồng là ông Lê Văn K có trách nhiệm trả phần đất tại khu B diện tích 27,7m² và khu C diện tích 10m², theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 105/ML-2022 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 04/01/2023, đồng thời phải tháo dỡ toàn bộ tường rào và công trình xây dựng trên đất.

Buộc bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K liên đới bồi thường giá trị 10 trụ bê tông số tiền là 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thủy T xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bồi thường giá trị 10 trụ bê tông với số tiền 8.000.000 đồng.

Bị đơn bà Trang Thị Thủy T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 1990 do bà nhận chuyển nhượng của ông Văn Công Hạnh bằng giấy tay vào năm 2000 với diện tích 324m² có tiến hành đo đạc nhưng bà không biết chiều dài và chiều ngang thửa đất là bao nhiêu mà các bên chỉ tiến hành cắm ranh. Đến năm 2018 thì mới làm thủ tục chuyển nhượng khi đó không làm thủ tục đo đạc lại mà sang nguyên sở. Thửa đất số 1989 của bà nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị Huệ vào năm 2007. Bà nhận chuyển nhượng đất của ông Văn Công Hạnh trước khi ông C nhận chuyển nhượng của

ông Hạnh. Khi ông Võ Văn C nhận chuyển nhượng đất từ ông Văn Công Hạnh không có tiến hành đo đạc thực tế vì chuyển nhượng cho ông C phần đất còn lại nên ông C không biết phần đất của ông C chiều ngang và chiều dài bao nhiêu. Khi ông Hạnh chuyển nhượng đất cho bà và ông C thì đường Nguyễn Quang Đại chưa mở và đường đan không có nên phần đất của hai bên đo đạc phải xác định từ tìm đường lộ vào và tìm đường đan chia ra. Bà xác định khi bà xây dựng hàng rào và làm mái che vào năm 2020 thì không có lần đất của ông C, bà xây hàng rào thì đúng ranh giới đất của bà nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông C, vợ chồng ông bà cũng không có đập phá 10 trụ bê tông của ông C nên cũng không đồng ý bồi thường. Trên phần đất tranh chấp với ông C hiện nay bà và chồng là ông Lê Văn K đã xây hàng rào tường gạch, bên trên hàn khung thép và một phần làm mái che lợp bằng tôn thiếc.

Bị đơn Ông Lê Văn K vắng mặt có lời trình bày tại biên bản làm việc ngày 14/02/2023: Ông xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và thống nhất theo lời trình bày của bà Trang Thị Thủy T.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/ST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 166, Điều 175 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 11 của Thông tư 25/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 19/5/2014; Điều 12, Điều 14, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn C đối với bị đơn bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm đối với giá trị 10 trụ bê tông giá trị 8.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn C đối với bị đơn bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Buộc bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K phải liên đới tháo dỡ tường gạch bê tông cốt thép, tường sắt, mái tole, cột kèo đòn tay bằng thép và toàn bộ tài sản công trình xây dựng trên đất để trả cho ông Võ Văn C phần đất có diện tích 27,7m² (có vị trí tại khu B) thuộc một phần thửa đất số 5534, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An (diện tích đo đạc thực tế theo Mảnh trích đo địa chính do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 04/01/2023).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn C với bị đơn bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K đối với phần đất có diện tích $10m^2$ (có vị trí tại khu C) thuộc một phần thửa đất số 1990, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT, tọa lạc tại xã M, huyện C, tỉnh Long An (diện tích đo đạc thực tế theo Mảnh trích đo địa chính do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 04/01/2023).

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá tài sản số tiền là 17.800.000 đồng, ông C đã tạm nộp. Buộc bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K liên đới nộp trả ông C số tiền 8.900.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí: Bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 17/4/2023, bị đơn bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Trang Thị Thủy T, ông Lê Văn K và luật sư Lê Văn Lắm trình bày nội dung kháng cáo và tranh luận cho rằng: Bà Trang Thị Thủy T mua một phần thửa đất số 1990 của ông Hạnh vào năm 2000, để làm lối đi vào thửa 1989 của bà, sau khi mua có làm ranh giới, san lấp và xây tường rào xung quanh. Sau đó, ông C nhận chuyển nhượng phần còn lại của thửa 1990 của ông Hạnh được tách thành thửa 5534 và đã đứng tên quyền sử dụng đất diện tích $990,3m^2$. Khi Tòa án giải quyết thì Công ty đo đạc thể hiện đường Nguyễn Quang Đại chỉ mở rộng $0,8m^2$ là $22,7m^2$. Năm 2019, đường Nguyễn Quang Đại mở rộng lần 2 diện tích ngang 3,5m nhưng khi đo đạc Công ty chưa thể hiện vấn đề này. Trong khi đó, diện tích đất của ông C tăng lên $996,7m^2$, còn đất của bà thì bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất bà đã san lấp xây hàng rào đúng ranh đã được xác định nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà tháo dỡ tài sản trên đất để trả đất cho ông C là không phù hợp.

Bà Nguyễn Thị Thủy T là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn C trình bày như sau: Ông Võ Văn C là chủ sử dụng thửa đất số 5534, tờ bản đồ số 3, diện tích $990,3m^2$, loại đất trồng lúa là tài sản chung của vợ chồng ông C, bà Thái Kim Huệ. Nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Văn Công Hạnh vào ngày 23/4/2008, khi nhận chuyển nhượng thì diện tích

là 1.013m² có tiền hành đo đạc thực tế và ký giáp ranh với các hộ kế bên. Năm 2020, Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất để mở đường Nguyễn Quang Đại với diện tích thu hồi là 22,7m². Vào năm 2018-2019, ông C có cho vợ chồng bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K thuê đất để trồng lúa, sau đó ông K và bà T có tiền hành đổ đất lấn sang phần đất của ông C. Đến năm 2020, ông K và bà T đã xây hàng rào lấn sang phần đất của ông C có chiều ngang là 1,2m chiều dài hết đất và đập phá 10 trụ bê tông do ông C cắm mốc làm ranh giới đất giữa ông C với bà T. Mặt khác, phần đất này vợ chồng ông C, bà Huê đã ủy quyền cho bà toàn quyền sử dụng. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định thửa đất 5534 là tài sản chung của ông C, bà Huê. Đại diện nguyên đơn cung cấp hợp đồng ủy quyền thửa đất nêu trên giữa ông C, bà Huê với bà Nguyễn Thị Thủy T. Bị đơn yêu cầu trả chi phí san lấp phần đất tranh chấp nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét. Xét thấy, để giải quyết toàn diện vụ án để đảm bảo quyền lợi của đương sự cần phải đưa bà Huê, bà Nguyễn Thị Thủy T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như xem xét chi phí san lấp phần đất tranh chấp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo bị đơn bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, các đương sự được triệu tập có mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về phạm vi kháng cáo: Bị đơn bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K, thấy rằng:

[4.1] Nguồn gốc thửa đất số 5534, tờ bản đồ số 3, diện tích 1013m² do ông Võ Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/12/2008 là nhận chuyển nhượng của ông Văn Công Hạnh (tách từ thửa 1990) vào ngày 23/4/2008. Khi chuyển nhượng có đo đạc thực tế các cạnh gồm phía đông giáp thửa 4336, 1991 của ông Văn Công Hạnh chiều dài 35,7m; phía tây giáp thửa 1990 (PCL) chiều dài 32,9m; phía nam giáp lối đi công cộng chiều dài 30,2m; phía bắc giáp thửa 1989 của bà Trang Thị Thủy T chiều dài 29m. Ngày 11/5/2020, Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định số 2901/QĐ-UBND về việc thu hồi một phần thửa đất số 5534 của ông C với diện tích 22,7m², hồ sơ thể hiện có tiến hành đo đạc thực tế với chiều dài giáp đường Nguyễn Quang Đại là 30,2m và chiều ngang là 0,8m nên diện tích còn lại của ông C là 990,3m².

Ngày 26/9/2018, bà Trang Thị Thủy T nhận chuyển nhượng của ông Văn Công Hạnh phần còn lại của thửa 1990 diện tích 324m², bà Trang Thị Thủy T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/12/2018.

Căn cứ vào hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Văn Công Hạnh và ông Võ Văn C ngày 23/4/2008 thể hiện khi ông Hạnh chuyển nhượng cho ông C một phần thửa đất 1990 diện tích 1.013m² có tiến hành đo đạc thực tế và có ký giáp ranh vào ngày 07/8/2008. Ngày 02/12/2008, ông Võ Văn C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện chiều dài các cạnh phù hợp với biên bản ký giáp ranh ngày 07/8/2008 và Công văn số 497/CN.VPĐKĐĐ-KTLT ngày 07/2/2003 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Do đó, ranh giới đất giữa thửa đất số 5534 và phần còn lại của thửa 1990 của ông Văn Công Hạnh đã được xác định theo ranh bản đồ khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C là phù hợp với tiêu mục 1.1 khoản 1 Điều 11 của Thông tư 25/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 19/5/2014.

[4.2] Căn cứ Mạnh trích đo địa chính số 105/ML-2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất Hưng Phú được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 04/01/2023, vị trí tranh chấp khu B diện tích 27.7m² thuộc thửa 5534 của ông C và khu C diện tích 10m² thuộc thửa 1990 của bà T. Bà Trang Thị Thủy T trình bày khi nhận chuyển nhượng của ông Văn Công Hạnh thì bà là người nhận chuyển nhượng trước ông C. Bà Trang Thị Thủy T cho rằng khi bà nhận chuyển nhượng thì có tiến hành đo đạc thực tế nhưng theo công văn số 497/CN.VPĐKĐĐ-KTLT ngày 07/2/2003 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trang Thị Thủy T ngày 28/12/2018 không có tiến hành đo đạc thực tế mà chỉ chuyển nhượng phần còn lại của thửa đất số 1990. Bà Trang Thị Thủy T trình bày sau khi ông Hạnh đã chuyển nhượng cho ông C phần diện tích 1.013m² và năm 2000 thì ông Hạnh có cho thêm bà một phần đất tiếp giáp với phần đất của ông C chiều ngang khoảng 50-60cm làm lối đi vào nên khi xây hàng rào thì bà xây hết phần đất ông Hạnh cho thêm tiếp giáp với đất của ông C.

Theo hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì khi ông Hạnh chuyển nhượng cho bà T phần đất 324m² thì ông Hạnh đã không còn phần đất nào khác để cho bà T nên lời trình bày của bà T là không có căn cứ. Do đó, có căn cứ xác định khi bà T và ông K xây dựng hàng rào trên phần khu B diện tích 27,7m² là thuộc một phần thửa đất số 5534 của ông Võ Văn C.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận, trong quá trình sử dụng phần đất tranh chấp, bị đơn bà Trang Thị Thủy T và ông Lê Văn K có đổ đất đắp nền cao ráo, bằng phẳng như hiện trạng hiện nay tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T và ông K liên đới tháo dỡ các tài sản trên vị trí đất tranh chấp trả cho ông C khu B nhưng chưa xem xét làm vợ chồng ông K đã san lấp là bao nhiêu để xem xét quyền lợi của vợ chồng ông K đối với phần chi phí san lấp này.

Ngoài ra, trong quá trình xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Thủy T cung cấp hợp đồng ủy quyền ngày 09/6/2020 giữa ông Võ Văn C, bà Thái Kim Huê với bà Nguyễn Thị Thủy T được Văn phòng công chứng Vương Mỹ Hằng công chứng cùng ngày và giấy cam kết ngày 18/4/2008. Theo nội dung hợp đồng ủy quyền thì ông C và bà Huê ủy quyền cho bà T toàn quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất thửa 5534. Bà Nguyễn Thị Thủy T cho rằng nguyên nhân giữa các bên lập hợp đồng ủy quyền này là do thực tế phần đất này bà nhận chuyển nhượng từ ông Văn Công Hạnh nhưng do bà không phải là người dân địa phương nên không đứng tên quyền sử dụng đất nông nghiệp được. Do đó, bà nhờ ông Võ Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thay bà. Vấn đề này cũng đã được bà và ông Võ Văn C thỏa thuận tại giấy cam kết ngày 18/4/2008. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, chưa được xem xét làm rõ nên cần đưa bà Thái Kim Huê và bà Nguyễn Thị Thủy T tham gia tố tụng trong vụ án này.

Xét thấy, tại Tòa án cấp phúc thẩm phát sinh những chứng cứ và tình tiết mới. Do đó, để giải quyết toàn diện vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cần phải đưa thêm người tham gia tố tụng gồm bà Thái Kim Huê, bà Nguyễn Thị Thủy T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như xem xét chi phí san lấp trên phần đất tranh chấp nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C.

Giao toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện C thụ lý lại vụ án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn lại cho ông Lê Văn K 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005304 ngày 18/4/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Trang Thị Thủy T được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Trang Thị Thủy T.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân